MIRAE ASSET Securities

23 Tháng Tư 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,248.53	0.10	5.50	61.33
HNX	283.63	-4.22	4.15	165.1
UPCOM	80.40	-2.79	-0.92	55.39
MSCI EM	1,341.43	-0.54	1.33	50.42
NIKKEI	29,020.63	-2.23	0.09	49.36
HANG SENG	29,078.75	0.38	2.04	21.28
KOSPI	3,186.10	-0.39	6.04	66.40
FTSE	6,920.66	-1.41	3.31	18.78
S&P 500	4,134.98	-0.85	5.74	47.79
NASDAQ	13,818.41	-1.57	4.47	62.67

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%
VN-INDEX	18.97	2.60	13.82
SET INDEX	38.92	1.69	4.34
JCI INDEX	25.52	1.53	4.66
PCOMP INDEX	28.30	1.57	5.75

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.18	2	8	-123
10 năm	2.34	-4	-8	-80

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	23,066	-0.02	0.01	1.86
US$/KRW	1,118	-0.11	1.07	10.03
US$/JPY	108	0.82	0.62	-0.30
US$/EUR	0.83	-0.61	-1.71	-10.6
US$/GBP	0.72	-0.21	-0.81	-10.9
US$/SGD	1.33	0.45	1.22	7.20

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	798	691	372
HNX	142	125	49
UPCOM	42	48	24

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử

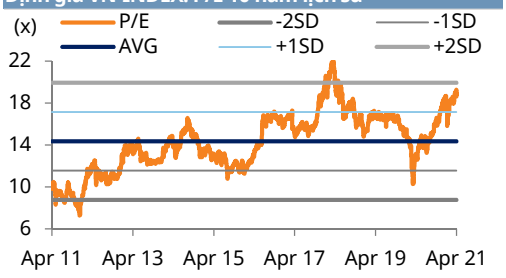

Nhận định thị trường

VN-Index có tuần biến động lớn khi họ Vingroup điều chỉnh

Tuần 19-23/04, rủi ro của việc "kéo trụ" đã xuất hiện trong khi hiện tượng "xanh vỏ đỏ lòng" diễn ra trong 2 phiên đầu tuần (19, 20/04) đã giúp VN-Index lên 1.286 nhưng sau đó khi nhóm Vingroup (VIC, VHM và VRE) điều chỉnh đã tạo ra phiên giảm mạnh hơn 40 điểm trong ngày 22/04. VN-Index hồi phục hơn 20 điểm trong phiên cuối tuần để chốt tuần tại 1.248,53, tăng 9,82 điểm so với cuối tuần trước nhưng đã để mất gần 40 điểm so với mức cao nhất tuần.

VCB là cổ phiếu ảnh hưởng tích cực nhất đến VN-Index trong tuần khi giúp chỉ số tăng 7,6 điểm, tuy nhiên nhóm ngân hàng chỉ đóng góp 3 thành viên cho top 10 cổ phiếu, 2 mã còn lại là VPB (+1,3 điểm cho chỉ số) và VIB (+0,7 điểm cho chỉ số). VHM xếp thứ 2 với mức ảnh hưởng +3,5 điểm cho VN-Index trong khi 2 mã còn lại của họ Vin là VIC và VRE lại ảnh hưởng tiêu cực đến VN-Index khi VIC làm giảm 4,2 điểm và VRE làm giảm 0,7 điểm.

Khối ngoại trong tuần đã bán ròng gần 1.100 tỷ đồng trong 4 phiên giao dịch, trong đó VHM và HPG là 2 mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng trên 400 tỷ đồng mỗi mã. Chiều mua ròng, MWG đã dẫn đầu danh sách mua ròng với giá trị mua ròng hơn 690 tỷ đồng (trong phiên 22/04), tiếp theo là VIC với giá trị mua ròng khoảng 260 tỷ đồng.

Sau khi tăng trong diễn biến "xanh vỏ đỏ long" nhờ các cổ phiếu trụ, VN-Index đã lùi về vùng hỗ trợ 1.220 – 1.230 trong tuần và tạm cân bằng tại vùng này khi xuất hiện nhịp hồi phục trong phiên cuối tuần. Ở góc độ kỹ thuật VN-Index đang ở vùng cân bằng ngắn hạn, chỉ số cần tích lũy thêm một vài phiên trong tuần sau để kiểm định vùng cân bằng này. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index đang ở mức **-4 (TIÊU CỰC).**

Phạm Bình Phương, Analyst,84-8-39102222, phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset.

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- **Thị trường trái phiếu:** Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 9.350 tỷ đồng TPCP, đạt tỷ lệ 98,4% (bao gồm cả phát hành lần đầu và phát hành bổ sung). Nhu cầu thị trường đã hồi phục mạnh mẽ, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu đạt 4,2 lần so với 2,5 lần của tuần trước và là mức cao nhất từ đầu năm đến nay. Kỳ hạn 5 năm thành công toàn bộ 1.000 tỷ đồng phát hành lần đầu và 500 tỷ đồng phát hành bổ sung tại mức lợi suất 1,15% (+2bps); kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 3.000 tỷ đồng lần đầu và 1.500 tỷ đồng phát hành bổ sung tại mức lợi suất 2,34% (-4bps); Toàn bộ 2.000 tỷ đồng phát hành lần đầu và 1.000 tỷ đồng phát hành bổ sung của kỳ hạn 15 năm đã được phát hành thành công tại mức lợi suất 2,55% (-2bps); Kỳ hạn 20 năm phát hành thành công 350 tỷ đồng/ 500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,89% (+0bps).
- Ngày 28/04 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 8.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 4.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng; và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 14 – 20/04, lãi suất liên ngân hàng đã tăng tại hầu hết các kỳ hạn trừ kỳ hạn 6 tháng. Cụ thể kỳ hạn O/N tăng 3bps lên 0,44%, kỳ hạn 1 tuần tăng 3bps lên mức 0,61%, kỳ hạn 2 tuần tăng 15 bps lên mức 0,77%, kỳ hạn 1 tháng giữ nguyên mức 0,72% và kỳ hạn 3 tháng tăng 15bps lên 1,25%. Trong khi kỳ hạn 6 tháng giảm 46bps về 2,44%.
- **Tỷ giá VND/USD tham chiếu** tại ngày 23/04/21 của NHNN đã giảm 0,073% về mức 23.179 VND/USD. Tương tự tỷ giá NHTM đã giảm 0,022% ở cả chiều mua và bán về mức 22.945 – 23.155 VND/USD. Trong khi đó tỷ giá tự do đã giữ nguyên mức mức 23.650 – 23.700.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	**TIÊU CỰC**
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (23/04/2021)	1,248.53 (+0.10% WoW)	Kháng cự 1	**1.250**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2	**1.300**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1	**1.220 – 1.230**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2	**1.200**

VN-Index đang cân bằng tại vùng 1.220 – 1.230 khi xuất hiện phiên hồi phục cuối tuần. Chỉ số đang được hỗ trợ tại ngưỡng MA 20 ngày (đường xanh) và nếu cân bằng tại ngưỡng này, VN-Index sẽ kiểm định lại mốc 1.286. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index đang ở mức **-4 (TIÊU CỰC).**

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

Nguồn: Vietstock

Nhận định phái sinh

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-2	TRUNG TÍNH

- Sau phiên giảm gần 40 điểm trong tuần và về hỗ trợ ngắn hạn, VN30F1M có tính hiệu phục hồi tích cực đóng cửa trên mốc 1,290 điểm.

- Với sự phục hồi từ ngưỡng hỗ trợ quanh vùng MA 20 ngày, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư chấp nhận rủi ro có thể mở vị thế mua (Long) với chiến lược sau:

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	**+ Long**	1,280
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	**+ Stop loss (Cắt lỗ)**	1,272
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	**+ Take profit (Chốt lời)**	1,310

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)

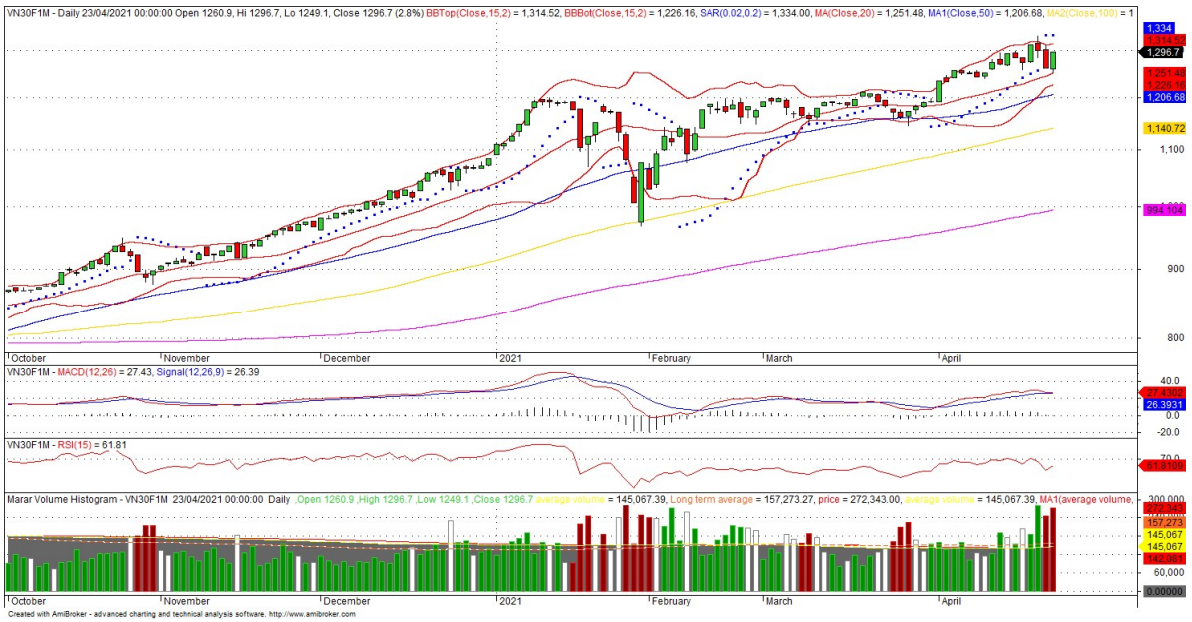

Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.75	4,643,070	-4	TIÊU CỰC	3,714	12.1	1.0
ACB	33.4	7,713,135	-6	TIÊU CỰC	72,196	9.4	2.0
AMD	7.8	11,140,605	7	KHẢ QUAN	1,275	50.2	0.7
ART	10.1	9,303,845	-4	TIÊU CỰC	979	37.4	0.9
ASM	14.8	2,722,780	-6	TIÊU CỰC	3,831	7.9	0.9
BID	42	3,577,660	-6	TIÊU CỰC	168,925	24.1	2.2
BSR	15.4	14,584,670	-6	TIÊU CỰC	47,748	#N/A N/A	1.5
BVH	59	1,070,335	-6	TIÊU CỰC	43,797	28.3	2.2
CEO	10.2	6,890,430	-6	TIÊU CỰC	2,625	#N/A N/A	0.9
CII	21.35	3,173,905	-6	TIÊU CỰC	5,099	20.7	1.1
CTD	67.5	666,015	-2	TRUNG TÍNH	5,014	16.2	0.6
CTG	41.3	15,775,115	-6	TIÊU CỰC	153,777	11.2	1.8
CTR	85.9	532,645	-2	TRUNG TÍNH	6,166	22.1	5.8
DBC	56.2	1,838,800	-6	TIÊU CỰC	5,888	4.0	1.3
DCM	16.15	3,402,955	-6	TIÊU CỰC	8,550	15.9	1.4
DGC	69	613,775	0	TRUNG TÍNH	10,265	10.9	2.5
DGW	114	293,115	-7	TIÊU CỰC	4,902	18.3	4.2
DIG	28	3,793,005	-6	TIÊU CỰC	9,710	13.4	2.1
DLG	3	14,907,285	-3	TRUNG TÍNH	898	#N/A N/A	0.4
DPM	18.85	1,791,240	-4	TIÊU CỰC	7,377	10.7	0.9
DRC	27	1,459,950	-6	TIÊU CỰC	3,207	11.4	1.8
DXG	24.05	7,853,045	-2	TRUNG TÍNH	12,465	#N/A N/A	2.0
EIB	26.95	1,430,720	0	TRUNG TÍNH	33,133	31.0	2.0
FIT	10.55	4,824,245	-6	TIÊU CỰC	2,687	47.7	0.9
FLC	12.4	38,279,520	-2	TRUNG TÍNH	8,804	55.0	0.9
FPT	83	2,276,365	1	TRUNG TÍNH	65,497	18.4	4.1
FRT	28.3	1,816,635	-6	TIÊU CỰC	2,235	90.4	1.8
GAS	86	855,540	-6	TIÊU CỰC	164,600	21.0	3.4
GEX	26.25	8,049,280	-4	TIÊU CỰC	12,816	15.5	1.8
GMD	33.5	2,625,640	-6	TIÊU CỰC	10,096	29.2	1.7
GVR	24.25	3,087,320	-6	TIÊU CỰC	97,000	25.7	2.0
HAG	5.04	12,185,025	-7	TIÊU CỰC	4,674	#N/A N/A	0.9
HAI	5.79	8,494,805	2	TRUNG TÍNH	1,058	130.4	0.5
HBC	16.7	6,222,375	-6	TIÊU CỰC	3,856	44.7	1.1
HCM	31.5	4,201,625	-6	TIÊU CỰC	9,609	12.8	2.0
HDB	26.9	4,665,920	-6	TIÊU CỰC	42,872	8.7	1.7
HDG	38.5	1,021,540	-6	TIÊU CỰC	5,940	6.2	2.0
HHS	6.97	6,627,570	-6	TIÊU CỰC	1,915	6.5	0.5
HNG	11.6	14,884,440	-4	TIÊU CỰC	12,859	595.5	1.5
HPG	56.4	23,210,250	0	TRUNG TÍNH	186,869	13.9	3.2
HPX	32.9	998,410	-6	TIÊU CỰC	8,702	101.3	2.7
HQC	4.38	23,393,010	0	TRUNG TÍNH	2,088	217.5	0.5
HSG	30.15	9,232,975	-4	TIÊU CỰC	13,405	8.9	1.9
HUT	6.3	8,117,355	-6	TIÊU CỰC	1,692	#N/A N/A	0.6
HVN	30.2	1,167,535	-6	TIÊU CỰC	42,832	#N/A N/A	6.8
IDC	34.1	3,629,565	-4	TIÊU CỰC	10,230	33.6	2.8
IJC	26.4	4,106,025	-2	TRUNG TÍNH	5,731	8.6	1.7
ITA	7.7	20,456,424	-4	TIÊU CỰC	7,225	41.0	0.7
KBC	36.75	5,259,380	-4	TIÊU CỰC	17,428	77.7	1.8
KDC	51.8	1,178,085	-6	TIÊU CỰC	11,849	38.6	2.0
KDH	35.3	2,749,280	7	KHẢ QUAN	19,726	17.3	2.4
KLF	6.7	14,944,635	0	TRUNG TÍNH	1,108	#N/A N/A	0.6

KSB	27.6	1,480,945	-6	TIÊU CỰC	1,839	6.5	1.2
LCG	13.3	3,056,830	-6	TIÊU CỰC	1,533	4.9	0.9
LDG	7.97	11,126,550	-6	TIÊU CỰC	1,908	128.4	0.6
LPB	20.1	14,043,295	3	TRUNG TÍNH	21,600	11.6	1.5
MBB	30.3	18,118,490	-4	TIÊU CỰC	84,802	10.2	1.8
MBS	24.5	2,113,120	-6	TIÊU CỰC	4,026	11.8	1.9
MSN	100	2,873,665	-2	TRUNG TÍNH	117,468	94.9	7.4
MWG	147.5	956,885	7	KHẢ QUAN	70,126	17.0	4.3
NKG	25.85	4,769,145	-4	TIÊU CỰC	4,446	7.8	1.3
NLG	34.95	1,391,610	-2	TRUNG TÍNH	9,970	8.7	1.5
NVB	17.1	6,005,055	-3	TRUNG TÍNH	6,956	5,739.6	1.6
NVL	107	2,823,370	2	TRUNG TÍNH	106,040	26.9	4.1
PDR	78.5	3,580,125	4	KHẢ QUAN	34,209	26.0	6.4
PET	20.5	2,110,530	-6	TIÊU CỰC	1,713	11.1	1.1
PHR	52.5	615,530	-4	TIÊU CỰC	7,114	7.4	2.2
PLX	51	1,244,860	-6	TIÊU CỰC	63,434	70.5	2.9
PNJ	96	640,100	5	KHẢ QUAN	21,827	19.3	3.8
POW	12.6	16,245,815	-6	TIÊU CỰC	29,508	12.5	1.0
PVD	20.5	6,138,255	-6	TIÊU CỰC	8,633	50.3	0.6
PVS	21.2	10,122,720	-6	TIÊU CỰC	10,133	16.2	0.8
PVT	16.7	3,374,855	-6	TIÊU CỰC	5,405	8.1	1.1
ROS	7.7	42,448,820	2	TRUNG TÍNH	4,371	7,310.3	0.7
S99	22.6	1,635,985	-7	TIÊU CỰC	1,185	6.5	1.5
SBT	20.4	3,175,630	-6	TIÊU CỰC	12,590	21.6	1.6
SCR	8.35	6,522,030	-6	TIÊU CỰC	3,096	16.4	0.7
SHB	27	31,034,264	-2	TRUNG TÍNH	47,264	17.2	2.0
SHS	28.3	10,911,940	-6	TIÊU CỰC	5,866	6.0	1.6
SSI	33	14,033,635	-6	TIÊU CỰC	21,314	15.8	2.0
STB	22.45	42,366,776	-4	TIÊU CỰC	40,492	15.1	1.4
TCB	40.5	10,985,755	-6	TIÊU CỰC	141,949	11.5	1.9
TCH	22.3	8,726,065	-6	TIÊU CỰC	8,350	8.7	1.6
TIG	14.4	2,765,710	5	KHẢ QUAN	1,309	18.0	1.3
TLH	15.45	2,821,960	0	TRUNG TÍNH	1,555	20.5	1.1
TNG	22.4	2,355,330	-4	TIÊU CỰC	1,782	10.9	1.4
TPB	28	5,097,275	-4	TIÊU CỰC	28,886	7.3	1.6
TTF	6.87	8,687,530	-6	TIÊU CỰC	2,138	60.7	#N/A N/A
VCB	104	2,151,560	7	KHẢ QUAN	385,723	20.9	4.1
VCI	62.2	1,467,265	-6	TIÊU CỰC	10,300	10.9	2.1
VHM	105	4,704,635	4	KHẢ QUAN	345,399	12.6	4.0
VIB	53.3	885,885	-4	TIÊU CỰC	59,130	12.7	3.3
VIC	138.3	3,022,630	-2	TRUNG TÍNH	467,790	81.9	5.7
VIX	33.85	6,746,255	5	KHẢ QUAN	4,323	6.4	2.1
VJC	129.5	538,530	-4	TIÊU CỰC	67,837	980.5	4.5
VND	36.3	7,409,955	-2	TRUNG TÍNH	7,787	10.9	2.0
VNM	99.5	3,808,625	2	TRUNG TÍNH	207,951	20.9	6.6
VPB	51	6,902,705	5	KHẢ QUAN	125,192	11.0	2.2
VPI	36.2	992,950	-6	TIÊU CỰC	7,240	24.1	2.6
VRE	32.8	6,718,580	-6	TIÊU CỰC	74,532	31.3	2.5

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Giá sắt thép thế giới đạt kỷ lục mới, cao nhất hơn một thập kỷ

Trên sàn Thượng Hải, thép thanh vằn phiên 22/4 tăng 1,6% lên 5.238 CNY (807,52 USD)/tấn, kéo dài chuỗi 3 phiên tăng liên tiếp, lên mức cao nhất kể từ năm 2009 - khi sàn Thượng Hải bắt đầu giao dịch thép xây dựng.

Thép cuộn cán nóng cũng tăng 2,8% lên 5.579 CNY/tấn, mức tăng trong ngày mạnh nhất kể từ năm 2014, khi sàn Thượng Hải bắt đầu đưa thép lên sàn giao dịch.

Giá phôi thép ở Châu Á đã cũng tăng lên mức cao nhất trong vòng 9 năm do nhu cầu mạnh mẽ, nhất là từ Philippines, quốc gia nhập khẩu phôi thép chủ yếu từ Trung Quốc.

Hiện đang là mùa nhu cầu cao điểm ở Trung Quốc đối với các sản phẩm thép. Các nhà phân tích của Sinosteel Futures cho biết trong bối cảnh "động lực kép đến từ việc công suất sản xuất bị hạn chế cộng với nhu cầu tăng trong mùa cao điểm, thị trường (thép) tiếp tục diễn biến theo xu hướng tăng giá".

Các báo cáo về thị trường thép và quặng sắt Trung Quốc năm 2021 đều nhận định Trung Quốc sẽ hạn chế sản lượng thép trong bối cảnh quốc gia này nỗ lực giảm khí thải nhà kính. Điều đó đi kèm với việc nguồn cung quặng sắt thế giới tăng dần sẽ dẫn tới giá quặng sắt giảm.

Nhưng những dự đoán đó đã không xảy ra. Giá quặng sắt vẫn tiếp tục tăng.

Chính thức áp thuế CBPG nhôm Trung Quốc từ 4,39% đến 35,58%

Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) cho biết ngày 20/4, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1282/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) một số sản phẩm nhôm có xuất xứ từ Trung Quốc.

Theo đó, áp dụng thuế bán phá giá đối với một số sản phẩm nhôm, hợp kim nhôm hoặc không hợp kim ở dạng thanh, que và hình đã được đùn ép, đã hoặc chưa xử lý bề mặt, đã hoặc chưa được gia công thêm nhập khẩu vào Việt Nam và được phân loại theo mã HS 7604.10.110, 7604.10.90, 7604.21.90, 7604.29.10, 7604.29.90 có xuất xứ từ Trung Quốc trên cơ sở kết quả rà soát lần thứ nhất (mã vụ việc AR01.AD05).

Quyết định này thay thế Quyết định số 2942/QĐ-BCT ngày 28/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp CBPG chính thức đối với một số sản phẩm nhôm có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Theo Quyết định 1282/QĐ-BCT, các nhà sản xuất, xuất khẩu bị áp dụng biện pháp CBPG với mức thuế CBPG từ 4,39 - 35,58%.

Xuất khẩu thủy sản sang Mỹ tăng mạnh trong tháng 3

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), trong tháng 3, kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ tăng mạnh tăng 36% so với tháng 3/2020 lên 136 triệu USD, chiếm gần 20% tổng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

Sau Mỹ là Nhật Bản với 125 triệu USD, chiếm 17,6%. Đứng thứ 3 là thị trường Trung Quốc với 103 triệu USD, tăng 15% và chiếm tỷ trọng 14%.

VASEP cho hay nhu cầu thủy sản ở các phân khúc bán lẻ và dịch vụ đều có xu hướng gia tăng ở các thị trường lớn như Mỹ, EU và việc Trung Quốc tháo gỡ tình trạng ách tắc các cảng nhập khẩu từ tháng 3 đã tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang những thị trường này.

Tuy nhiên, số liệu xuất khẩu thủy sản trong tháng 3 cũng như 3 tháng đầu năm 2021 cho thấy, có những thị trường đơn lẻ, dù không nằm trong top 5 thị trường nhập khẩu thủy sản Việt Nam, nhưng có mức tăng trưởng tốt.

Nhà đầu tư Mỹ đề xuất đầu tư dự án điện khí 9.600 MW tại Sóc Trăng

Công ty TNHH MTV Millennium Energy Việt Nam (thành viên của Tập đoàn Dầu khí Millennium, Mỹ), cho biết muốn đầu tư dự án điện khí có công suất 9.600 MW trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Theo Cổng TTĐT tỉnh Sóc Trăng, UBND tỉnh Sóc Trăng vừa có buổi làm việc với ông Sam Chan, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Millennium Energy Việt Nam (thành viên của Tập đoàn Dầu khí Millennium, Mỹ)

Đại diện Millennium Energy Việt Nam cho biết qua chuyến khảo sát trong tỉnh, doanh nghiệp này muốn đầu tư dự án điện khí có công suất 9.600MW (gồm 2 giai đoạn).

Công ty cam kết sẽ sử dụng các trang thiết bị tiên tiến, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Qua đó, doanh nghiệp cũng đề nghị tỉnh hỗ trợ khoảng 200 ha đất, các thủ tục pháp lý cần thiết.

Đất Xanh (DXG): Lãi ròng quý 1/2021 ghi nhận đúng kế hoạch với 531 tỷ đồng, cao gấp 8 lần cùng kỳ

Tập đoàn Đất Xanh (DXG) vừa công bố BCTC hợp nhất quý 1/2021, đi đúng với kế hoạch "book" lợi nhuận. Chi tiết, doanh thu Công ty đạt 2.954 tỷ đồng, gấp 5 lần cùng kỳ. Nguyên nhân trong kỳ DXG đã ghi nhận doanh thu, lợi nhuận từ dự án đã triển khai bán hàng thành công từ năm 2020 (Gem Sky World, Đồng Nai) và hoạt động môi giới, dịch vụ có kết quả tốt.

Khấu trừ chi phí, DXG đạt lãi ròng 531 tỷ đồng, cao gấp 8 lần cùng kỳ năm ngoái. Năm 2021, ban lãnh đạo Công ty dự kiến lợi nhuận sau thuế DXG thực hiện khoảng 1.600-1.700 tỷ đồng.

Vinaconex muốn chia hơn 36 triệu cổ phiếu quỹ cho cổ đông, huy động tới 4.000 tỷ đồng qua trái phiếu

Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex - Mã: VCG) đã công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021, dự kiến họp ngày 27/4 tại trụ sở ở Hà Nội.

Năm 2021, Vinaconex đặt mục tiêu 12.230 tỷ đồng tổng doanh thu hợp nhất, tăng 41% so với thực hiện năm 2020 nhưng dự kiến lãi sau thuế giảm 40% còn 1.008 tỷ đồng.

Kế hoạch chia cổ tức năm 2021 sẽ tương đương năm 2020 với tỷ lệ 12% bằng tiền mặt cho cổ đông. Năm 2020, doanh nghiệp đã tạm ứng cổ tức bằng tiền tỷ lệ 6% (hơn 241 tỷ đồng).

Trong năm nay, tổng công ty cho biết sẽ đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thực hiện và áp dụng các biện pháp đẩy mạnh công tác bán hàng tại Khu đô thị mới Cái Giá Cát Bà Amatina (Vinaconex ITC), dự án tổ hợp văn phòng cho thuê và căn hộ cao cấp Green Diamond số 93 Láng Hạ (Hà Nội), dự án Khu đô thị đại lộ Hoà Bình (Quảng Ninh) kéo dài, khu đô thị mới Thiên Ân (Vinaconex 25),...

Bên cạnh đó, Vinaconex sẽ tiếp tục tìm kiếm đối tác đầu tư vào dự án Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các dự án có quỹ đất lớn trong lĩnh vực bất động sản, khu công nghiệp và bất động sản nghỉ dưỡng.

Ngày 4/12/2020, Vinaconex đã mua lại 39,3 triệu cổ phiếu với tổng giá trị giao dịch gần 1.644 tỷ đồng. Doanh nghiệp cho biết để nhằm tăng "giá trị doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông", HĐQT sẽ trình cổ đông hai phương án xử lý cổ phiếu quỹ.

Vinaconex muốn chia hơn 36,2 triệu cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu, chiếm 9% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

Thời gian thực hiện quý II đến quý IV/2021. Toàn bộ số cổ phiếu quỹ sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

ĐHĐCĐ Sacombank: Mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 4.000 tỷ đồng, tăng 20%

Sáng 23/4, Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank - Mã: STB) tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 tại TP HCM.

Tại đại hội, Sacombank sẽ trình trình cổ đông kế hoạch mục tiêu tổng tài sản tăng 8% lên 533.300 tỷ đồng; nguồn vốn huy động đạt 485.500 tỷ, tăng 9%, trong đó, huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế dự kiến đạt 478.300 tỷ đồng, tăng 9%; dư nợ tín dụng đạt 372.000 tỷ, tăng 9%.

Sacombank cho hay, dựa trên cơ sở mức tăng trưởng tín dụng cho phép của NHNN và diễn biến tình hình kinh doanh trong năm 2021, HĐQT sẽ điều chỉnh lại mục tiêu tăng

trưởng huy động và cho vay phù hợp.

Lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt mức 4.000 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2020. Tỷ lệ nợ xấu với mục tiêu Sacombank đưa ra kiểm soát ở mức dưới 2%.

Về kế hoạch chia cổ tức năm 2021, ngân hàng tiếp tục thực hiện theo Đề án tái cơ cấu Sacombank sau sáp nhập đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN ngày 22/05/2017.

Năm 2021, Sacombank cũng có kế hoạch bổ sung vốn cho ngân hàng con tại Lào thêm 302 tỷ đồng.

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, Sacombank dự kiến dùng hơn 2,384 tỷ đồng để trích lập các quỹ. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế và trích các quỹ còn 1.874 tỷ đồng. Lợi nhuận hợp nhất giữ lại lũy kế gần 6.496 tỷ đồng

Eximbank đã mua lại trước hạn toàn bộ nợ xấu từ VAMC

Trong những năm gần đây, Eximbank đã nỗ lực không ngừng về công tác xử lý nợ xấu, đặc biệt chú trọng xử lý các khoản nợ xấu bán cho VAMC. Ngân hàng đã thực hiện đồng bộ các biện pháp để thu hồi nợ, tăng cường công tác xử lý tài sản của khách hàng có khoản nợ xấu. Từ đó, tạo ra nguồn lực cần thiết để Eximbank tất toán trước hạn toàn bộ khoản nợ đã bán cho VAMC.

Thực tế, trong khoảng thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt và thực hiện theo ủy quyền của VAMC, Eximbank đã xử lý thu hồi được nợ (gốc và lãi) bán VAMC số tiền 4.940 tỷ đồng; dự phòng trái phiếu VAMC đã trích lập 4.270 tỷ đồng.

Việc chủ động tất toán trước hạn trái phiếu đặc biệt VAMC là nỗ lực rất lớn của ngân hàng trong kế hoạch đề ra năm 2021. Tuy nhiên, để có đủ ngân sách thực hiện nhiệm vụ quan trọng này sẽ ảnh hưởng đến một phần kết quả hoạt động kinh doanh Quý I/2021 của Eximbank, làm lợi nhuận trước thuế Quý I của ngân hàng chỉ đạt 210 tỷ đồng (46% so với cùng kỳ năm 2020). Bên cạnh đó, do tác động tiêu cực của dịch Covid-19, một số kế hoạch thu từ hoạt động xử lý nợ không đạt như dự kiến.

Tuy có nhiều khó khăn trong công tác triển khai, nhưng kết quả đạt được tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính trong những năm tới, đồng thời tăng thêm tính chủ động trong việc xây dựng, điều chỉnh các phương án xử lý nợ để đạt hiệu quả tối ưu.

Ông Nghiêm Xuân Thành: Lợi nhuận của Vietcombank quý 1 đạt hơn 8.000 tỷ đồng, tăng 70% so với cùng kỳ

Tại đại hội cổ đông thường niên diễn ra ngày 23/4 của Vietcombank, ông Nghiêm Xuân Thành, chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng cho biết, trong năm 2021 ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận hợp nhất 11%, trong đó riêng ngân hàng mẹ là 25.000 tỷ.

Hết quý 1, lợi nhuận của ngân hàng, tính cả phí upfront bảo hiểm với FWD, đã đạt trên 8.000 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 70% so với cùng kỳ năm trước. Quý 1 ngân hàng tiếp tục tăng trưởng tín dụng 3,7% với quy mô tín dụng cao nhất hệ thống. Với nền tảng này, năm nay chắc chắn Vietcombank sẽ đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận.

Như vậy con số mà chủ tịch Vietcombank thông báo tới cổ đông hôm nay cao hơn nhiều so với con số 7.000 tỷ đồng vị này ước tính hồi đầu tháng 4 khi trao đổi với truyền thông.

Về các năm tới, chủ tịch Vietcombank cho biết ngân hàng đã đưa ra mục tiêu chiến lược là lợi nhuận 2 tỷ USD vào năm 2025, trong đó mảng bán lẻ sẽ đóng góp 50%. Mặc dù dịch bệnh nhưng ngân hàng vẫn kiên định mục tiêu này.

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets

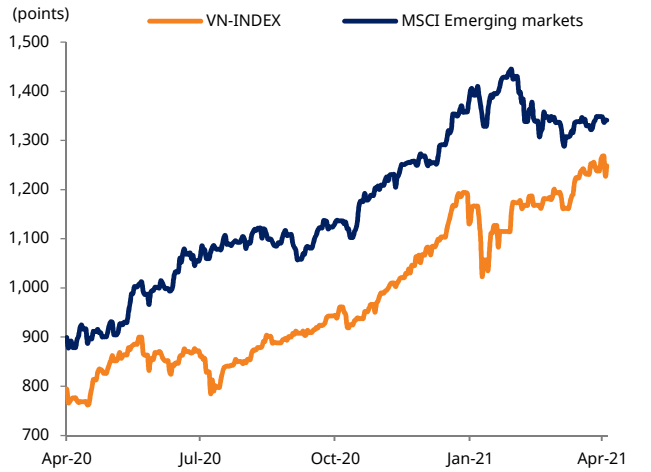

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND

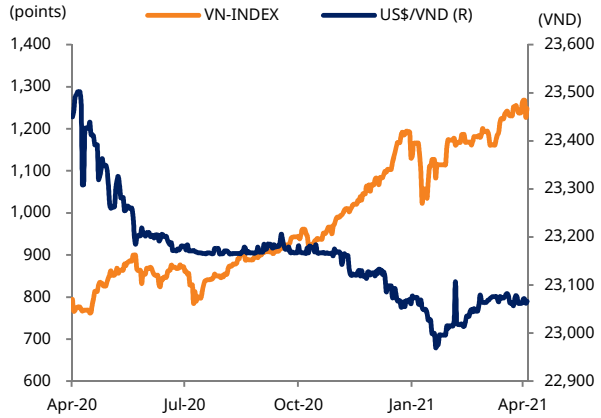

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài

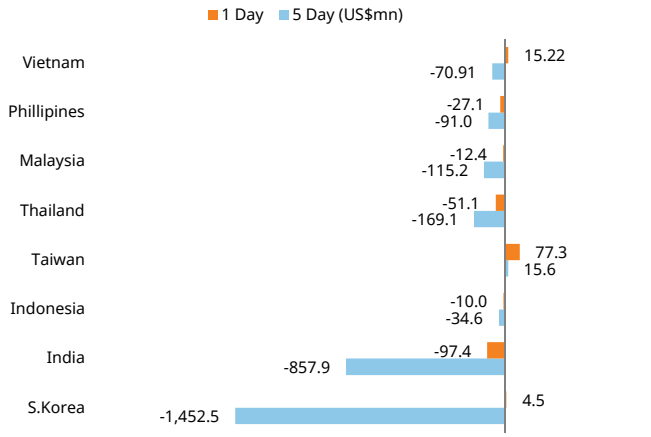

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND

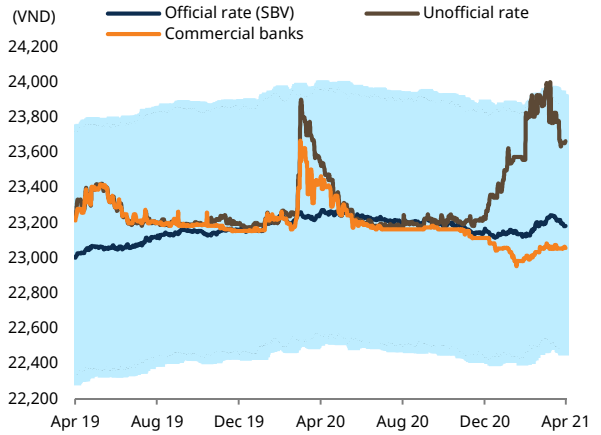

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

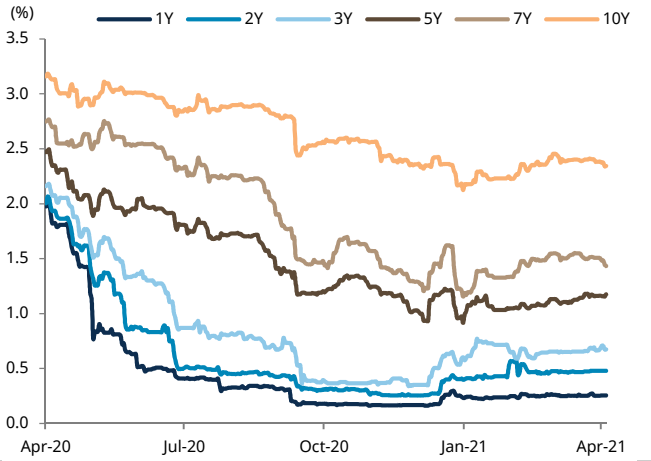

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng

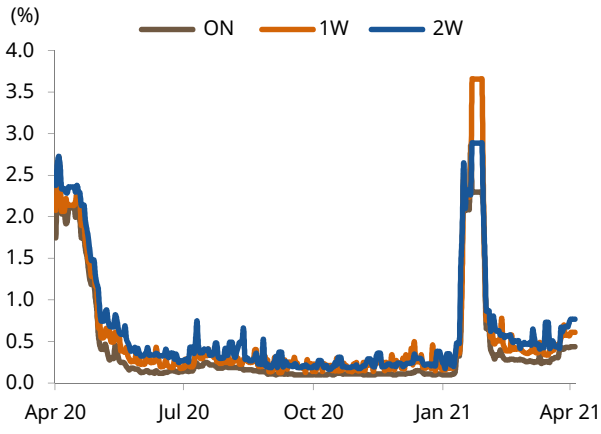

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá	Vốn hóa	Sở hữu khối ngoại	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
		(VND)	(VND bn)	(%)	1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	**VN30 Index**	**1,301.39**	**3,260,461**		**2.3**	**1.3**	**9.6**	**81.4**	**13.8**	**11.5**	**2.4**	**2.1**	**18.5**	**20.2**	**19.6**	**19.4**
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,000	168,925	16.9	2.4	-2.4	-3.9	16.0	17.1	12.0	1.9	1.6	70.1	41.8	11.9	15.4
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	59,000	43,797	27.3	1.7	-0.8	-4.4	24.7	25.5	21.5	2.1	1.9	11.5	18.2	8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	41,300	153,777	26.1	5.5	-2.1	2.0	115.1	8.7	8.0	1.5	1.3	28.4	10.0	19.5	19.0
CTCP FPT	FPT VN	83,000	65,497	49.0	3.8	3.8	5.3	87.2	16.6	14.0	3.6	3.1	21.6	18.1	24.4	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	86,000	164,600	2.6	0.2	0.0	-6.3	32.1	16.2	15.5	3.1	2.9	32.1	4.3	19.5	19.7
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	26,900	42,872	17.0	2.3	-1.6	1.5	115.5	7.9	6.6	1.6	1.4	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	56,400	186,869	30.4	2.5	3.5	21.0	213.3	9.6	8.8	2.4	2.2	52.4	9.3	27.3	24.0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	35,300	19,726	32.9	7.0	13.5	12.4	80.8	16.1	12.2	2.2	2.0	6.2	31.8	15.2	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	30,300	84,802	23.0	3.8	-1.0	6.9	117.8	8.2	6.9	1.5	1.2	24.1	19.7	19.8	20.1
Tập đoàn Masan	MSN VN	100,000	117,468	32.7	1.8	0.0	15.6	71.8	42.7	25.9	6.2	5.0	122.1	64.8	13.8	20.5
CTCP Thế giới di động	MWG VN	147,500	70,126	49.0	3.5	10.3	12.6	76.6	14.0	11.2	3.5	2.9	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	107,000	106,040	7.1	-0.3	4.4	33.8	105.7	26.8	20.7	3.5	2.9	0.5	29.2	13.5	15.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	78,500	34,209	2.7	2.7	16.1	24.2	316.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	51,000	63,434	16.2	0.0	-6.3	-10.8	25.3	17.5	15.6	2.7	2.6	323.9	12.6	16.5	17.2
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	96,000	21,827	48.8	2.2	4.3	14.0	61.6	17.6	13.8	3.7	3.1	26.9	27.3	22.6	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,600	29,508	3.6	2.0	-6.0	-5.3	32.6	13.9	11.7	1.0	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	52,300	16,163	49.0	2.1	1.2	-5.8	77.3	9.1	7.7	1.2	1.4	9.8	17.8	14.6	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	20,400	12,590	8.3	3.6	-7.3	-12.4	45.2	17.5	NA	1.5	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	33,000	21,314	45.9	3.9	-5.3	0.3	148.1	14.7	13.8	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	22,450	40,492	10.5	6.9	0.4	19.4	145.4	15.5	9.3	1.3	1.2	16.3	66.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	40,500	141,949	22.5	2.0	-1.0	0.1	138.9	9.6	8.3	1.6	1.3	20.1	15.1	18.2	17.6
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,300	8,350	11.7	3.7	-6.9	-1.5	7.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,000	28,886	30.0	3.7	-2.8	-1.1	93.3	7.0	5.4	1.4	1.1	16.8	30.4	23.3	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	104,000	385,723	23.3	1.0	6.7	8.6	50.3	18.2	14.8	3.3	2.8	27.8	23.2	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	105,000	345,399	22.5	1.8	3.8	6.4	57.7	11.3	9.4	3.0	2.3	11.9	20.7	31.0	28.2
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	138,300	467,790	14.5	-0.4	-1.8	29.9	48.7	64.1	54.9	5.1	4.6	27.6	16.7	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	129,500	67,837	19.2	-0.7	-1.7	-1.1	11.3	62.7	22.2	4.1	3.3	1,441.4	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	99,500	207,951	55.6	1.5	0.4	-0.7	24.2	19.3	17.6	6.1	5.5	8.3	9.4	34.7	35.1
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	51,000	125,192	23.4	4.1	2.0	14.6	156.3	10.3	8.6	1.9	1.6	15.8	19.3	20.4	19.9
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,800	74,532	30.6	1.9	-3.5	-4.0	36.1	26.4	20.7	2.4	2.1	18.5	27.5	9.3	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	**9.82**	**4,595,705**	**1.7**	**0.1**	**5.5**	**61.3**	**15.4**	**12.6**	**2.5**	**2.2**	**23.2**	**22.3**	**17.8**	**18.4**
Ô tô và phụ tùng	0.00	8,194	0.9	0.3	-4.5	42.4	5.5	5.2	1.0	0.9	33.9	6.3	11.2	10.9
Ngân hàng	9.40	1,440,771	2.6	2.6	6.4	73.1	13.5	11.0	2.1	1.7	27.9	22.5	18.3	18.8
Xây dựng cơ bản	-0.40	176,819	1.6	-0.6	2.8	88.5	5.3	3.8	0.4	0.4	6.3	34.6	5.2	5.5
Dịch vụ thương mại	-0.02	4,464	0.1	-1.7	-5.1	29.8	6.3	5.0	NA	NA	31.9	26.2	11.1	13.0
May mặc và trang sức	0.14	42,889	0.8	1.5	13.3	197.5	14.3	11.8	2.9	2.4	31.8	22.8	19.3	18.8
Dịch vụ tiêu dùng	-0.16	8,876	0.3	-4.0	-2.8	31.7	12.1	4.2	NA	NA	NA	NA	3.5	9.3
Dịch vụ tài chính	-0.23	62,154	3.5	-1.1	-1.5	137.2	10.1	4.7	NA	NA	7.4	7.1	9.2	4.4
Năng lượng	-0.82	80,524	0.3	-3.6	-10.3	39.2	17.5	14.8	2.3	2.2	NA	18.1	14.2	14.9
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.77	531,800	1.5	0.6	1.4	35.8	22.8	17.0	4.8	4.2	44.1	25.4	22.7	24.1
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	907	2.4	-2.5	-7.4	54.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.01	12,147	1.4	0.4	-1.7	1.2	7.2	6.3	1.8	NA	40.5	14.7	24.3	24.3
Bảo hiểm	0.22	50,663	1.6	1.7	-3.9	24.0	22.8	19.3	1.8	1.7	11.5	18.0	7.6	8.7
Nguyên vật liệu	-0.16	395,519	2.6	0.0	5.9	172.3	11.8	11.6	1.8	1.2	39.5	4.5	18.0	16.1
Giải trí và truyền thông	0.02	1,898	1.9	5.3	-13.2	-24.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.07	34,771	1.4	5.5	21.7	164.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-0.87	1,227,336	0.3	0.8	-1.7	21.1	9.2	8.1	1.7	1.6	14.4	11.0	9.7	9.8
Bán lẻ	1.73	78,529	0.9	-0.1	16.7	69.4	32.1	27.0	3.3	2.8	24.4	35.7	14.3	14.9
Phần mềm và dịch vụ	0.69	69,634	3.2	9.1	11.2	74.5	13.0	10.5	3.1	2.6	34.5	25.2	25.2	25.4
Thiết bị và phần cứng	-0.02	4,902	3.7	3.9	4.6	84.2	15.6	13.2	3.3	2.9	25.7	18.0	23.0	24.2
Dịch vụ viễn thông	-0.01	1,217	-1.7	-1.3	-5.0	371.1	12.5	10.4	3.3	2.7	46.8	20.0	27.0	27.7
Vận tải	-0.31	170,568	3.8	-2.9	4.4	291.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.44	251,091	0.0	-0.6	-4.2	26.3	27.6	10.6	4.8	3.9	NA	71.8	-19.0	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	104,000	8.0	2,888,840	7.6
VHM VN	105,000	4.0	9,287,020	3.5
MWG VN	147,500	10.1	1,780,920	1.7
HPG VN	56,400	3.3	32,522,880	1.6
VNM VN	99,500	2.7	4,861,920	1.4
VPB VN	51,000	4.2	11,587,640	1.3
PDR VN	78,500	10.6	4,914,620	0.9
FPT VN	83,000	4.1	2,951,160	0.7
VIB VN	53,300	4.5	892,700	0.7
KDH VN	35,300	12.4	5,605,720	0.6

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	138,300	-3.3	3,329,200	-4.2
GVR VN	24,250	-4.9	3,751,900	-1.3
VRE VN	32,800	-3.4	8,248,240	-0.7
CTG VN	41,300	-1.7	19,940,520	-0.7
PLX VN	51,000	-3.4	1,582,260	-0.6
SSB VN	26,100	-4.4	901,920	-0.4
POW VN	12,600	-4.5	15,068,000	-0.4
HVN VN	30,200	-2.6	1,023,040	-0.3
OCB VN	23,000	-4.2	4,106,380	-0.3
FLC VN	12,400	-10.5	39,792,920	-0.3

Nguồn: Bloomberg

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.